

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 236/2025/DS-PT

Ngày 09 - 12 - 2025

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng và ông Nguyễn Duy Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Đào Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

3. Người kháng cáo: Ông Đào Văn N - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2025 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đoàn Văn C trình bày: Ông với ông Đào Văn N có mối quan hệ là người cùng thôn với nhau. Ngày 11/11/2011, ông N có đến nhà ông để vay số tiền 20.000.000đồng có viết nội dung vay tiền vào sổ của ông, lãi suất là 3%/tháng. Ngoài ra, giữa ông và ông N còn thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 02 năm, tức đến ngày 11/11/2013 ông N phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc là 20.000.000đồng, còn tiền lãi trả theo hàng tháng là 600.000đồng/tháng. Khoảng tháng 01/2019, ông có một lần đến nhà ông N để yêu cầu ông N trả khoản nợ trên nhưng ông N khát nợ. Khoảng giữa năm 2023, ông cũng có một lần đến nhà ông N để yêu cầu ông N phải trả lại cho ông số tiền gốc và tiền lãi của khoản nợ trên nhưng ông N không đồng ý trả. Ngoài hai lần ông đến nhà

ông N đề trực tiếp đòi nợ như trên thì ông không có lần nào khác đòi nợ đối với ông N. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả cho ông số tiền gốc 20.000.000đồng và lãi suất 18%/năm, tức 300.000đồng/tháng x 158 tháng = 47.400.000đồng (tính đến ngày 11/3/2025), tổng cộng là 67.400.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N phải trả cho ông số tiền gốc, không yêu cầu ông N phải trả cho ông số tiền lãi, cụ thể như ông đã trình bày ở trên.

Bị đơn ông Đào Văn N trình bày: Mọi quan hệ giữa ông và ông Đoàn Văn C là người cùng thôn quen biết nhau. Từ trước đến nay giữa ông và ông Đoàn Văn C không có mâu thuẫn gì. Ngày 11/11/2011, ông C đến uống bia tại gia đình ông, thời điểm đó gia đình ông có bán bia. Ông đã hỏi vay ông C 20.000.000đồng. Khi vay, ông có viết nội dung vay tiền vào sổ của ông C là “An Hòa ngày 11/11/2011 dương lịch. Tôi Đào Văn N có vay của anh C (C) số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng” và ông đã ký ghi rõ họ tên. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 1 năm, tức đến ngày 11/11/2012, ông phải trả cho ông C toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trả theo hàng tháng là 600.000đồng/tháng. Ông xác định ông vay tiền của ông C, tuy nhiên khi viết nội dung vay nợ vào sổ của ông C là ông có vay của ông C (C1) số tiền 20.000.000đồng là vì vợ ông C tên là (C1) nên ông đã viết như vậy. Ông xác định số tiền ông vay 20.000.000đồng là vay của ông C, không liên quan gì đến bà C1, ông không vay tiền của bà C1. Quá trình vay, trước khi đến thời hạn trả khoảng vài ngày, tức là vài ngày trước ngày 11/11/2012, nhưng chính xác là ngày nào thì ông không nhớ cụ thể, ông đã trả hết cho ông C toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi. Số tiền 20.000.000đồng mà ông đã vay của ông C, ông đã sử dụng vào mục đích cá nhân của ông, không sử dụng vào việc gia đình. Vợ, con ông không biết và không liên quan gì đến khoản vay này. Kể từ thời điểm ngày 11/11/2012, do ông đã thanh toán hết khoản nợ trên cho ông C nên ông C không có lần nào yêu cầu ông phải trả cho ông C khoản nợ trên. Tuy nhiên, ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, để giao nộp cho Tòa án. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông phải trả cho ông C số tiền gốc 20.000.000đồng ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, không đồng ý trả số tiền mà ông C yêu cầu vì ông đã trả cho ông C đầy đủ khoản nợ. Kể từ thời điểm ông trả hết khoản nợ cho ông C là tháng 11/2012 cho đến nay đã gần 13 năm tròn nên đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì ông được biết đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án số 28/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C đối với ông Đào Văn N.

Buộc ông Đào Văn N phải trả cho ông Đoàn Văn C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2025, ông Đào Văn N kháng cáo với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đào Văn N làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đào Văn N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Theo tài liệu, chứng cứ là giấy viết không ghi tiêu đề (BL số 03), được viết bằng mực xanh, trên một mặt giấy nhỏ có dòng kẻ, được tách ra từ quyển sổ của ông C với nội dung: “*An Hòa, ngày 11/11/2011 (Dương lịch). Tôi Đào Văn N có vay của anh C (C1) số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu chẵn). Lãi suất 3% tháng*”. Quá trình giải quyết vụ án, ông C cho rằng ông N vay tiền nhưng chưa trả cả tiền gốc và lãi cho ông. Ông N xác nhận chữ ký, chữ viết trong văn bản là của ông. Ông xác nhận có vay của ông C số tiền gốc là

20.000.000đồng với lãi suất là 3%/tháng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng là 1 năm tức là ngày 11/11/2012 ông phải trả đủ tiền gốc và lãi cho ông C. Đến trước ngày 11/11/2012 vài ngày, ông không nhớ chính xác là ngày nào, ông đã trả đầy đủ cả tiền gốc và lãi cho ông C, cụ thể: 20.000.000đồng tiền gốc; tiền lãi từ ngày 11/11/2011 đến ngày 11/11/2012 là 600.000đồng/tháng ông cũng đã trả đủ cho ông C. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày tại phiên tòa, ông N không đưa ra được chứng cứ tài liệu gì để chứng minh cho việc ông đã trả tiền vay 20.000.000đồng cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy viết tay nêu trên buộc ông N phải trả cho ông C số tiền 20.000.000đồng đã vay là có căn cứ.

[2.2]. Về lãi suất chậm trả tiền: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N phải trả số tiền lãi trên số tiền nợ gốc. Xét việc ông C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật nên được cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[2.3]. Về yêu cầu tính thời hiệu giải quyết vụ án: Ông N cho rằng ông đã trả hết nợ từ 2012, nếu ông C cho rằng chưa trả thì kể từ tháng 11/2012 cho đến nay đã gần 13 năm tròn nên đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì ông được biết đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 pháp luật có quy định về hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015

“1. Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định.

Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan.

2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.”

Tại Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về các loại thời hiệu:

“1. Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.

2. Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.

3. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

4. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu.”

Theo đó, thời hiệu khởi kiện đòi nợ là thời hạn mà bên cho vay nợ được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Nếu thời hạn đó kết thúc thì bên cho vay nợ mất quyền khởi kiện. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015 quy định như sau:

“Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây:

...

2. Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.”

Như vậy, đối với trường hợp khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền cho vay đối với bị đơn là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu và trong trường hợp này sẽ không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

2. Về án phí: Ông Đào Văn N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 9 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa